TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2023/HS-ST
Ngày: 15 - 08 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân;
Bà Đào Thị Thanh Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2023/ TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị D**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm TB, xã BX, huyện HY, tỉnh TQ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Công nhân; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974; Cùng trú tại: Xóm TB, xã BX, huyện HY, tỉnh TQ; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: La Văn T, sinh năm: 1992 (Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan) và có 01 con chung (sinh năm 2014, hiện tại đang do bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng).

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 31/2020/HS-ST ngày 12/5/2020. Đã chấp hành xong bản án ngày 20/12/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2023 đến ngày 22/5/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp Bảo lĩnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Vũ Thị Th, sinh năm 2004 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm K, xã Y, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

2. Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm ĐT, xã ĐL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người chứng kiến*: Chị Hoàng Thị Minh K, sinh năm 1993;

Chức vụ: Tổ trưởng Tổ Line 1 - Công ty Ket Vina, khu Công nghiệp Sông Công II, xã X, TP Y, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm L, xã BX, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị D là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Korea Electric Terminal Việt Nam (Ket Vina) thuộc khu Công nghiệp Sông Công II, xã X, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 08 giờ ngày 17/4/2023 Dung đến Công ty Ket Vina để làm việc, đến khoảng 15^h 15 phút cùng ngày, D vào khu vực để đồ cá nhân của công nhân trong Công ty thì thấy không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tại đây, D quan sát thấy 07 dãy tủ sắt để đồ cá nhân, mỗi dãy gồm 05 tủ, mỗi tủ có từ 09 đến 12 ngăn được đánh số theo dãy số tự nhiên và có khóa, D đi đến ngăn tủ số 1204 (tủ để đồ cá nhân của chị Vũ Thị Th, sinh năm 2004, trú tại xóm Xóm K, xã Y, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên) dùng chìa khóa của mình mở tủ ra thì thấy bên trong có 01 túi xách màu trắng, trong túi có 01 ví da màu trắng, D mở ví ra thấy 1.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, D lấy số tiền trên cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi khóa ngăn tủ lại và tiếp tục dùng chìa khóa mở ngăn tủ số 1239 (tủ để đồ cá nhân của chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990, trú tại xóm ĐT, xã ĐL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên) thì thấy bên trong tủ có 01 chiếc ba lô màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu đen, có ốp lưng màu đen có hình hoa văn lá cây, bên trong ốp lưng có 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Q. D lấy chiếc điện thoại di động rồi tắt nguồn và cất giấu vào túi quần bên phải phía trước đang mặc. Sau đó, D tiếp tục mở ba lô thì thấy số tiền 450.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 13.000 Đài tệ Đài Loan (đô la Đài Loan) mệnh giá 1.000 tệ/ 1 tờ. D lấy toàn bộ số tiền trên cất giấu vào hai túi quần rồi khóa tủ lại và quay lại làm việc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi tan ca, D đem toàn bộ tài sản trộm cắp được về phòng trọ của mình ở Tổ 4, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Trên đường về D mua hoa quả và lấy số tiền 1.950.000đồng trộm cắp được và 50.000đồng của D đổi với người phụ nữ bán hoa quả trên đường (D không biết tên, địa chỉ) thành 2.000.000đồng gồm (10 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng). Khi về đến phòng trọ D cất giấu chiếc điện thoại di động và 13.000 Đài tệ Đài Loan vào túi nilon để vào trong nhà tắm, còn số tiền 2.000.000đồng D cất ở túi quần trong phòng trọ. Đến sáng ngày 18/4/2023, D mang toàn bộ số tài sản đã trộm cắp được đến Công ty và cất giấu tại ngăn tủ để đồ cá nhân của mình rồi đi làm việc bình thường.

Các bị hại chị Nguyễn Thị Q và chị Vũ Thị Th sau khi bị mất tài sản đã có đơn trình báo đến Công an xã Tân Quang, thành phố Sông Công đề nghị xem xét xử lý theo quy định pháp luật. Khoảng 10 giờ ngày 18/4/2023 Công ty Ket Vina

tiến hành cho tất cả thành viên trong tổ công nhân xem Camera an ninh để xác định người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Q và chị Th. Biết bị phát hiện nên D đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, đại diện Công ty Ket Vina và Công an xã Tân Quang đã lập biên bản sự việc thu giữ tài sản Nguyễn Thị D tự nguyện giao nộp gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu đen, có ốp lưng màu đen có hình hoa văn lá cây, bên trong ốp lưng có 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Q; 2.000.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 13.000 Đài tệ Đài Loan. Công an xã Tân Quang đã niêm phong vật chứng sao lưu hình ảnh Camera trộm cắp và chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Sông giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại kết luận giám định số 667/KL-KTHS ngày 11/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: *13 tờ tiền trong phong bì ký hiệu A1 là tiền thật có mệnh giá 1.000 Đài tệ Đài Loan.*

Tại công văn số 426/THN-TH ngày 17/5/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên cung cấp. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam niêm yết công khai tỷ giá của Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ tại địa chỉ: http://www.sbv.gov.vn (mục tỷ giá). Ngày 20/5/2023 Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công tiến hành truy cập vào địa chỉ nêu xác định tỷ giá trị 13.000 Đài tệ Đài Loan: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và nhập khẩu có hiệu lực từ ngày 13/4/2023 đến ngày 19/4/2023 xác định 01 Đô la Đài Loan có tỷ giá 773,22 Việt Nam đồng. Căn cứ kết quả làm việc, xác định 13.000 Đài tệ Đài Loan có giá trị là 10.051.860 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số14/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, kết luận*: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị là 1.625.000đồng; 01 ốp lưng điện thoại, màu đen có hình hoa văn lá cây, đã qua sử dụng có giá trị là 45.000đồng. Tổng cộng là* ***1.670.000đồng*** *(Một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).*

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo D phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại đi động nhãn hiệu OPPO A15, màu đen, đã qua sử dụng và 01 ốp lưng điện thoại, màu đen có hình hoa văn lá cây, đã qua sử dụng; số tiền 13.000 Đài tệ Đài Loan; 450.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Q và số tiền 1.500.000 đ của chị Th trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền 50.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm giữ của bị cáo D được chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công theo quy định và 01 USB chứa dữ liệu do camera an ninh ghi lại diễn biến hành vi Trộm cắp tài sản được niêm phong bì ký hiệu U, chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại chị Th và chị Q không có yêu cầu, không đề nghị gì đối với bị cáo D.

Tại bản cáo trạng số 53/CT - VKS ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng, đã luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 47 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách được ấn định từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú thực hiện giám sát giáo dục trong thơi gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Vật chứng: Số tiền 50.000đồng thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nươc.

Trong phần tranh tụng, bị cáo D thừa nhận việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, bị cáo nhận thức ra lỗi lầm của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng bản thân và trực tiếp nuôi con, do hiện nay chồng bị cáo đang xuất khẩu lao động tại nước ngoài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong giai đoạn điều tra và truy tố, cụ thể bị cáo là công nhân của Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam thuộc Khu Công nghiệp Sông Công II, xã X, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên, khoảng 8 giờ bị cáo đến Công ty làm việc, đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày bị cáo đến khu vực để đồ của cá nhân Công ty, do nảy lòng tham và khu vực để đồ cá nhân của Công ty không có người trông coi nên bị cáo đã đi đến khu vực ngăn tủ 1204 dùng

chìa khóa của mình mở tủ lấy số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đựng bên trong túi xách và cất số tiền vừa trộm cắp được vào túi quần, sau đó bị cáo tiếp tục đi đến ngăn tủ số 1239, bị cáo dùng chìa khóa mở ngăn tủ trộm cắp được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu đen, có ốp lưng màu đen có hình hoa văn lá cây, bên trong ốp lưng có 01 thẻ căn cước công dân, số tiền 450.000 tiền Việt Nam và 13.000 tiền Đài tệ Đài Loan. Sau khi trộm cắp được các tài sản trên, bị cáo cất dấu toàn bộ tài sản trộm cắp được vào túi quần khóa tủ lại rồi quay trở về làm việc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi tan ca làm bị cáo mang toàn bộ tài sản trộm cắp được về phòng trọ, trên đường về bị cáo lấy 50.000đ tiền của bị cáo và số tiền bị cáo trộm cắp 1.950.000đ đổi thành 10 tờ tiền mệnh giá 200.000đ thành 2.000.000đ và cất giấu toàn bộ tiền Việt Nam, điện thoại và tiền Đài tệ Đài Loan cất ở túi quần trong phòng trọ. Đến sáng ngày 18/4/2023 bị cáo mang toàn bộ số tiền, tài sản trộm cắp được đến Công ty và cất giấu trong ngăn tủ để đồ cá nhân và đi làm. Sau khi bị mất tài sản chị Q, chị Th đã trình báo Công an và Công ty, phía Công ty đã cho xem camera an ninh nên bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và bị cáo giao nộp toàn bộ số tài sản và tiền đã trộm cắp được trả cho chị Th và chị Q. Bị cáo còn bồi thường cho chị Th số tiền 1.000.000đ, là chi phí chị Th nghỉ để đi làm việc với cơ quan tố tụng. Tổng số tiền bị cáo trộm cắp tài sản bao gồm: Tiền, giá trị điện thoại và tiền Đài tệ Đài Loan được quy đổi là 13.671.860đ (*Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi đồng*)

Lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị Th có trong hồ sơ vụ án: Ngày 17/4/2023 tôi đến làm việc tại Công ty (KET Vina) thuộc khu công nghiệp Sông Công II, xã X, thành phố Y, Thái Nguyên, tôi có cất túi xách bên trong có 1.500.000đồng tại tủ đồ số 1204 rồi khoá lại, sau đó đi làm việc, đến 20h00 tôi tan ca làm tôi đến mở tủ lấy túi xách đi về nhà, lấy ví ra sử dụng thì phát hiện ra mất toàn bộ số tiền 1.500.000đồng. Sáng ngày 18/4/2023 chị đến Công ty trình báo, sau đó xác định chị Nguyễn Thị D là người trộm cắp tài sản của tôi, về tài sản bị trộm cắp tôi đã nhận lại toàn bộ, chị D đã tự nguyện bồi thường số ngày công không thu nhập của tôi số tiền 1.000.000đồng, tôi đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì, tôi đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị Q có trong hồ sơ vụ án: Ngày 17/4/2023 tôi đến làm việc tại Công ty (KET Vina) thuộc khu công nghiệp Sông Công II xã Tân Quang, thành phố Sông Công, Thái Nguyên, tôi có cất balo tại tủ đồ số 1239 rồi khoá lại, sau đó đi làm việc, đến 17h00 tôi tan ca làm tôi đến mở tủ lấy balo thì phát hiện ra mất 01 điện thoại Oppo A15 màu đen, có ốp lưng màu đen có hình hoa văn lá cây, bên trong ốp lưng có 01 thẻ căn cước công dân, 13.000 tiền Đài tệ và 450.000đồng tiền Việt Nam. Sau đó tôi trình báo Công ty, sau đó xác định chị Nguyễn Thị D là người trộm cắp tài sản của tôi, về tài sản bị trộm cắp tôi đã nhận lại toàn bộ, tôi không có yêu cầu, đề nghị gì, về hình phạt tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập theo trình tự tố tụng như: Vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Kết luận giám định…

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 17/4/2023, tại khu vực để đồ cá nhân của Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam thuộc khu Công nghiệp Sông Công II, xã X, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Thị D đã có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Q 01 điện thoại đi động nhãn hiệu OPPO A15 theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự trị giá 1.625.000đồng; 01 ốp lưng điện thoại trị giá 45.000đồng; 13.000 Đài tệ Đài Loan (tương đương 10.051.860 Việt Nam đồng); 450.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và trộm cắp của chị Vũ Thị Th 1.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là **13.671.860** đồng (*Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi đồng*). Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh, điều luật và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nội dung điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ trong vụ án này là chị Nguyễn Thị Q và chị Vũ Thị Th nên cần phải xử lý mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

[4]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cung như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra trong quá trình nghị án HĐXX xem xét tình tiết bị hại có đơn và có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6]. Xét nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân đã bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và các nghĩa vụ khác. Bản án đã được xóa án tích, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo chấp hành tốt các quy định tại nơi cư trú.

[7]. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình, hiện nay bị cáo một mình đang nuôi con nhỏ 9 tuổi, chồng bị cáo đang đi xuất khẩu lao động, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội bị cáo đã nộp lại toàn bộ tài sản đã trộm cắp thể hiện bị cáo kịp thời khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại cho bị hại chị Thắm để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Do đó HĐXX thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo,

khoan hồng của pháp luật với những hành vi lầm lỗi biết sửa chữa và tu dưỡng. Mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị hại đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp, bị hại Th đã nhận được số tiền bồi thường của bị cáo là 1.000.000đ (Một triệu đồng), các bị hại không ý kiến gì về bồi thường trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[10]. Vật chứng: Số tiền 50.000đồng thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra trả lại cho bị cáo sử dụng, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 USB chứa dữ liệu do camera an ninh ghi lại diễn biến hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo được niêm phong trong bì ký hiệu U lưu theo hồ sơ vụ án, tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

[11]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị D bị kết án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

[12]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 47 và Điều 65 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã BX, huyện HY, tỉnh TQ trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

- Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị D.

- Vật chứng: Tạm giữ số tiền 50.000đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Tiếp tục lưu giữ 01 USB (chứa dữ liệu do camera an ninh ghi lại diễn biến hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo được niêm phong trong bì ký hiệu U) lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo;
- UBND xã BX, huyện HY, tỉnh TQ;
(kèm TB Kq XX);
- THA h.sự, d.sự ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bình